
Bản án số: 84/2017/HSST
Ngày: 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Văn Toan.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Chung

2/ Ông Bùi Hà Bắc

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện L, Tỉnh Bắc Giang .

- ***Đại diện VKSND huyện L tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSST ngày 01/11/2017 đối với bị cáo:

Trịnh Văn H, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKKHKT: Xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Chỗ ở: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 12/12;

Con ông: Trịnh Văn H1, sinh năm 1969;

Con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971;

Gia đình có 02 chị em ruột, bản thân là thứ hai;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 09/8/2017 đến ngày 18/8/2017. Bị cáo được tại ngoại. Hiện có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1/ Anh Trần Tuấn K sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L2, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Thu H2 sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L2, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Đình T1 sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã C1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

3/ Anh Lưu Văn V sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H3, xã K1, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Trịnh Văn H bị VKSND huyện L truy tố về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như sau:

Vào cuối tháng 6/2017, Trịnh Văn H, sinh năm 1992 trú tại thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang có quen biết với anh Trần Tuấn K, sinh năm 2000 trú tại thôn B, xã T, huyện L2, tỉnh Bắc Giang, vì cả hai cùng làm thuê tại công trình xây dựng Trường mầm non S, thuộc địa phận thôn T2, xã T3, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do anh Phan Văn L3, sinh năm 1981 ở thôn Đ2, xã Đ3, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm chủ thầu.

Sáng ngày 29/6/2017, H xin nghỉ làm và hỏi mượn anh K chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe CUXI, biển kiểm soát 60B9- 004.03 để về nhà ăn giỗ ông nội, H hẹn chiều sẽ trả lại xe nên anh K đồng ý. Sau khi mượn được xe, do có mâu thuẫn từ trước với bố đẻ là ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1969 ở thôn Đ, xã C, huyện L, sợ về nhà bị bố mắng nên H đi thẳng đến quán Internet tại Làn 2 phố B1, thị trấn Đ4, L để chơi game. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi H đang chơi game thì có anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1988 ở thôn Đ1, xã C1, huyện L gọi điện thoại đòi tiền, vì vào tháng 5/2017, H có vay của anh T1 số tiền là 5.000.000 đồng, với thỏa thuận hàng tháng H phải trả tiền lãi cho anh T1. Lúc này, do không có tiền nên H đã nảy ý định mang chiếc xe mô tô mượn của anh K đi cầm cố để lấy tiền trả lãi cho anh T1. H liền gọi điện thoại cho anh T1 bảo “Em có cái xe mô tô không có giấy tờ, anh xem có chỗ nào cho em vay tiền, em để lại xe”, T1 hỏi xe của ai thì H nói dối là xe của chị gái H nên T1 đồng ý đưa H mang xe đi cầm cố. Sau đó H điều khiển xe mô tô của anh K đến gặp anh T1 rồi cả hai đến thôn V1, thị trấn Đ4, huyện L, tỉnh Bắc Giang gặp anh Lưu Văn V sinh năm 1988 trú tại thôn H3, xã K1, huyện L, tỉnh Bắc Giang để cầm cố chiếc xe mô tô. Khi gặp anh V, H nói chiếc xe mô tô là của chị gái H, muốn cầm cố lấy

số tiền là 10.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ đến chuộc lại xe nên anh V đồng ý. Anh V lấy số tiền là 9.500.000 đồng đưa cho H, vì đã trừ luôn 500.000 đồng tiền lãi vào số tiền H vay và giữ lại chiếc xe mô tô làm tin. Sau khi có tiền từ việc cầm xe của anh K, H trả cho anh T1 750.000 đồng tiền lãi, còn lại H sử dụng chơi game hết 2.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Do không có tiền chuộc xe trả anh K nên H không quay lại chỗ làm nữa. Thấy H không mang xe về trả, anh K gọi điện cho H đòi xe nhưng H tắt máy không liên lạc được, anh K đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện L đề nghị xử lý Trịnh Văn H và truy tìm chiếc xe mô tô bị H chiếm đoạt. Đến ngày 09/8/2017, Trịnh Văn H đã đến Công an huyện L đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Theo quyết định trưng cầu định giá tài sản số 76/QĐGTS ngày 12/7/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện L, ngày 14/7/2017 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam tiến hành định giá chiếc xe mô tô H chiếm đoạt của anh K và kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại CUXI, màu sơn trắng, tím số khung DW 10AY001925, biển kiểm soát 60B9-044.03 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là: 12.220.000 đồng.

Đối với anh Lưu Văn V sau khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60B9-044.03 mà H đem đem cầm cầm cho mình liên quan đến vụ án, anh V đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện L để phục vụ điều tra theo quy định của pháp luật. Khi cầm cố chiếc xe mô tô, do anh V không chiếc xe là do H phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Lưu Văn V.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60B9- 004.03 là của chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1980 ở thôn B, xã T, huyện L2, tỉnh Bắc Giang, là mẹ đẻ của Trần Tuấn K, cho K mượn để đi làm. Sau khi xác định rõ chủ sở hữu, ngày 24/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho chị Nguyễn Thị Thu H2 để quản lý, sử dụng. Sau khi nhận lại chiếc xe, Trần Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H2 không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm. Anh Lưu Văn V đề nghị buộc Trịnh Văn H phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng đã cho H vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Trịnh văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 78/KSĐT ngày 30/10/2017 của VKSND huyện L đã truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS.

Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi, nhân thân, vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án đại diện VKSND huyện L đề nghị HĐXX áp dụng điều luật và tuyên phạt:

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS xử phạt:

Trịnh Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng. Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS

Buộc Trịnh Văn H trả lại cho anh Lưu Văn V số tiền là 10.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Về chiếc xe mô tô BKS 60B9- 044.03 cơ quan điều tra Công an huyện L đã thu hồi trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H2 nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo H thuộc hộ nghèo nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của KSV, của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Trịnh Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo của bị hại, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Hành vi của bị cáo được thể hiện như sau: Sáng 09 giờ ngày 29/6/2017, tại công trình xây dựng Trường mầm non S, thuộc địa phận thôn T2, xã T3, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Trịnh Văn H hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 60B9- 044.03 của anh Trần Tuấn K để về nhà ăn giỗ, anh K đồng ý. Sau khi mượn được xe, do bị anh Nguyễn Đình T1 gọi điện đòi nợ nên H đã mang chiếc xe mô tô của anh K đi đặt vay được số tiền là 10.000.000 đồng, H trả nợ cho anh T1 750.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng chi tiêu cá nhân hết và không có tiền chuộc xe trả lại cho anh K. Trị giá chiếc xe mô tô của anh K là 12.220.000 đồng. Đến ngày 09/8/2017, Trịnh Văn H đã đến Công an huyện L đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Trịnh Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS.

Như vậy bản cáo trạng số 78/KSĐT ngày 30/10/2017 của VKSND huyện

L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân dẫn đến mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy cần nên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, HĐXX thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Ngoài những tình tiết định tội, định khung hình phạt bị cáo Trịnh Văn H không có tình tiết tăng nặng TNHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Bị cáo Trịnh Văn H trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan pháp luật đầu thú do vậy cần áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo.

Từ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo HĐXX cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo Trịnh Văn H hiện tại có hoàn cảnh rất khó khăn, hiện bị cáo đang bị mắc bệnh ung thư máu và xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật nên không cần bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài hình phạt chính có thể áp dụng khoản 5 Điều 140 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, hơn nữa bị cáo thuộc hộ nghèo, hiện bị cáo đang mắc bệnh ung thư máu nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Từ những vấn đề nêu trên HĐXX xét thấy mức án mà vị đại diện VKSND huyện L đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô BKS 60B9- 044.03 H đã đem đến cấm tại hiệu cầm đồ của anh V, anh V đã giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan Công an điều tra và đã trả lại gia đình bị hại nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bà Nguyễn Thị Thu H2, anh Trần Văn K nhận lại chiếc xe mô tô BKS 60B9- 044.03, bà H2 và anh K không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo đã mang chiếc xe mô tô BKS 60B9- 044.03 cấm cho anh V và lấy của anh V số tiền 10.000.000đ. Nay anh V yêu cầu bị cáo trả lại anh 10.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo H nhất trí trả lại anh V số tiền 10.000.000đ nên buộc bị cáo trả lại anh V số tiền 10.000.000đ.

Án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS; Điều 231; 234 BLTTHS xử phạt:

Trịnh Văn H 7 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được H án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều Điều 584; 589 BLHS năm 2015

Buộc bị cáo Trịnh Văn H trả lại cho anh Lưu Văn V số tiền 10.000.000đ.

2/ Án phí: Bị cáo Trịnh Văn H không phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7^b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã C;
- Bị cáo , người tham gia TT.
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn

